

Bản án: 87/2024/HS-ST
Ngày: 16 - 8 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tươi

Ông Nguyễn Văn Luân

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Trên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc S, tên gọi khác: Không, sinh ngày 16/01/1995, tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Võ Thị N; vợ Thị D (Đã ly hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Có mặt;

2. Lê Tấn N1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/01/1993, tại Cà Mau; Nơi ĐKTT: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Võ Ánh H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Có mặt;

- *Bị hại:* Lý Hoàng N2, sinh năm 2004. Có mặt;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Võ Thị N, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Có mặt;

2. Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1984. Địa chỉ: A T, phường A, Quận F, Tp ..
Chỗ ở hiện tại: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Có mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Trịnh T, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt;

2. Lý Thị Ngọc Q, sinh năm 2009. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt;

Người giám hộ cho Lý Thị Ngọc Q: Danh Kim L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt;

3. Lý Thị Ngọc N3, sinh năm 2006. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 04/3/2023, Lê Ngọc S và Đặng Văn L1 đang ở phòng số 38 nhà trọ “Bạch Tuyết”, địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B do bà Lê Thị Bạch T1 làm chủ thì nghe tiếng đùa giỡn ở phòng số 41 của Trịnh T, Lý Thị Ngọc Q và Lý Thị Ngọc N3 nên S đi qua phòng số 41 yêu cầu nói chuyện nhỏ lại thì xảy ra cự cãi với T, thấy vậy S đi về phòng kể lại sự việc cho L1 nghe. Khoảng 15 giờ ngày 05/3/2023, S và L1 đang ở Khu công nghiệp T chơi thì gọi điện thoại cho Lê Tấn N1 là bạn bè ngoài xã hội làm nghề lái xe taxi đến rước S và L1 về phòng trọ dọn đồ trả phòng đi thuê nơi khác, thì N1 đồng ý. Khoảng 15 phút sau, N1 điều khiển xe taxi 04 chỗ màu vàng, biển số 60E-007.55 đến rước S và L1, trên đường đi Sinh kể cho N1 nghe việc mâu thuẫn với T phòng số 41 và rủ N1 tham gia cùng S và L1 đánh T, thì N1 đồng ý. Khi đến phòng trọ, S, L1 và N1 cùng nhau thu dọn đồ đem lên xe, trong lúc dọn đồ Sinh lấy 01 con dao tự chế dài 60cm có cán nhựa màu đen dài khoảng 20cm, lưỡi kim loại dài khoảng 40cm bỏ vào bên trong túi xách vải màu đen đem ra bỏ ở dây ghế sau xe taxi. Sau khi dọn đồ xong, S nhớ lại mâu thuẫn với T nên đi ra dây ghế sau xe taxi mở túi xách lấy con dao tự chế ra để đi chém T, N1 thấy S cầm dao liền mở cốp xe sau lấy 01 con dao tự chế có cán dao bằng gỗ dài khoảng 20cm, lưỡi dao kim loại dài khoảng 60cm đi cùng với S, còn L1 đứng gần S nói “Bỏ đi Sinh” nhưng

S không đồng ý. Sinh cầm dao đi trước, N1 cầm dao đi sau, L1 đi theo nhưng không cầm theo hung khí. Khi đến phòng số 41, S cầm dao bước vào trong phòng thấy anh Lý Hoàng N2 đang ngồi ở dưới nền gạch dựa lưng vào tường đang bấm điện thoại, S nhằm anh N2 là anh T nên S cầm dao đi lại anh N2 cách khoảng 01m, chém 03-04 cái theo hướng xéo từ trên xuống vào người của anh N2, anh N2 phản xạ co tay, chân lên đỡ nên bị chém trúng vào bàn tay trái, bàn chân phải, bàn chân trái gây thương tích chảy máu. Lúc này, N1 đi vào cầm dao quơ ngang 01 cái trúng vào vai của N2 nhưng không gây thương tích, N1 thấy N2 bị thương chảy máu nên nói với S dừng lại, còn L1 đứng trước cửa phòng kéo tay S kêu dừng lại, nên S dừng lại cùng N1 và L1 đi ra xe taxi chạy về hướng huyện Đ, trên đường đi Sinh rút con dao vào lê đường. Anh N2 bị thương được người thân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh L rồi chuyển đến Bệnh viện C điều trị đến ngày 07/3/2023 thì xuất viện. Ngày 16/3/2023, N2 nộp đơn tố giác đến Công an xã A về việc bị S và Ngọc chém gây thương tích.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 169/KLTTCT-TTPY ngày 30/5/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y, giám định và Kết luận: Tay trái: Sẹo vết thương cổ - bàn tay có kích thước lớn đã lành; Chân phải: Sẹo vết thương ngón cái - mu bàn chân có kích thước lớn đã lành; Chân trái: Sẹo vết thương lòng bàn chân - lên mu bàn chân có kích thước lớn đã lành. Không hạn chế chức năng.

- Xquang: Gãy xương cẳng tay trái đang kết hợp xương; Gãy xương bàn 1,2,3 chân trái đang kết hợp xương; Gãy xương hộp và nền xương bàn 5 chân trái đang kết hợp xương.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lý Hoàng N2 tại thời điểm giám định là 43%.

Tại bản Cáo trạng số: 89/CT-VKSBL ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N4 hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Lê Ngọc S mức hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.
- Bị cáo Lê Tấn N1 mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Đối với Đặng Văn L1 đồng phạm với các bị cáo Lê Ngọc S và Lê Tấn N1. Sau khi gây án L1 đã bỏ trốn, chưa truy tìm được. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với Đặng Văn L1 số 803/QĐ-ĐCSHS ngày 12/7/2024 để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau nên không đề nghị xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đối với 02 con dao của các bị cáo Lê Ngọc S và Lê Tấn N1 sử dụng gây thương tích cho anh Lý Hoàng N2 thì các bị cáo S và N1 vứt bỏ, không rõ vị trí, Cơ quan điều tra không truy tìm được nên không đề nghị xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Ngọc S tác động chị Võ Thị N (mẹ ruột bị cáo S) bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Lý Hoàng N2 số tiền 20.000.000đ, bị cáo Lê Tấn N1 tác động chị Huỳnh Ngọc A (sống chung như vợ chồng với bị cáo N1) bồi thường cho anh N2 20.000.000đ, anh N2 đã nhận tiền xong. Trước tòa bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 20.000.000đồng, các bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp

với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với bản ảnh xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 169/KLTTCT-TTPY ngày 30/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ ngày 05/3/2023, bị cáo Lê Ngọc S và Đặng Văn L1 gọi bị cáo Lê Tấn N1 là bạn bè ngoài xã hội làm nghề lái xe taxi đến rước bị cáo S và L1 về phòng trọ số 38 nhà trọ “Bạch Tuyết”, địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B. Do có mâu thuẫn với Trịnh T ở trong phòng trọ số 41 nên trên đường đi, bị cáo S kể cho bị cáo N1 nghe việc mâu thuẫn với người trong phòng 41 nên rủ bị cáo N1 đi đánh, bị cáo N1 đồng ý. Khi đến phòng trọ của bị cáo S và L1, sau khi dọn đồ đạc lên xe xong thì bị cáo S cầm 01 con dao tự chế dài 60cm có cán nhựa màu đen dài khoảng 20cm, lưỡi kim loại dài khoảng 40cm đi sang phòng trọ số 41, bị cáo N1 cầm 01 con dao tự chế có cán dao bằng gỗ dài khoảng 20cm, lưỡi dao kim loại dài khoảng 60cm đi theo bị cáo S, bị cáo S vào phòng 41 thấy anh Lý Hoàng N2 đang ngồi dựa tường nhầm là anh T nên bị cáo S dùng dao chém 03-04 cái vào người anh N2, bị cáo N1 dùng dao quơ trúng vào vai anh N2 nhưng không gây thương tích, bị cáo N1 và L1 can ngăn bị cáo S chém anh N2 và kéo bị cáo S bỏ đi, anh N2 được người thân đưa đi cấp cứu và điều trị đến ngày 07/3/2023 xuất viện. Ngày 16/3/2023 anh N2 tố giác hành vi gây thương tích của các bị cáo S và N1 tại Công an xã A, huyện B. Qua kết quả giám định số 169/KLTTCT-TTPY ngày 30/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận tỷ lệ thương tích của anh N2 là 43%.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 gây ra là nguy hiểm không những đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây ra có thể gây thương tích cho bị hại nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn không có phân công vai trò. Các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn nhau nhưng các bị cáo thể

hiện tính chất côn đồ như bị cáo S là người rủ rê và chính là người dùng dao là hung khí nguy hiểm chém vào người anh N2 gây thương tích với tỷ lệ 43%. Bị cáo N1 đáng lẽ nghe bị cáo S kể mâu thuẫn với người ở phòng trọ số 41 và nhờ hỗ trợ, bị cáo không ngăn cản mà lại đồng tình lấy dao đi cùng với bị cáo S để đánh bị hại. Do đó, hành vi trái pháp luật của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4.2]. Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo S có công với cách mạng nên các bị cáo S, N1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét thấy, các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt, mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Đối với Đặng Văn L1 đồng phạm với các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1. Sau khi gây án L1 đã bỏ trốn, chưa truy tìm được. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với Đặng Văn L1 số 803/QĐ-ĐCSHS ngày 12/7/2024 để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau nên không đề cập xử lý.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 con dao của các bị cáo Lê Ngọc S và Lê Tấn N1 sử dụng gây thương tích cho anh Lý Hoàng N2 thì các bị cáo S và N1 vứt bỏ, không rõ vị trí, Cơ quan điều tra không truy tìm được nên không đề cập xử lý.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Ngọc S tác động chị Võ Thị N (mẹ ruột bị cáo S) bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Lý Hoàng N2 số tiền 20.000.000đ, bị cáo Lê Tấn N1 tác động chị Huỳnh Ngọc A (sống chung như vợ chồng với bị cáo N1) bồi thường cho anh N2 20.000.000đ, anh N2 đã nhận tiền xong. Trước tòa bị hại anh Lý Hoàng N2 yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 20.000.000đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội

đồng xét xử ghi nhận. Buộc các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 liên đới bồi thường cho anh Lý Hoàng N2 số tiền 20.000.000đồng.

[10]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

- Bị cáo Lê Ngọc S 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2024
- Bị cáo Lê Tấn N1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2024

2. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 45 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2024) để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 bồi thường cho bị hại anh Lý Hoàng N2 số tiền 20.000.000đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Ngọc S, Lê Tấn N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Án xử sơ thẩm công khai: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh